

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 652/QĐ - UBND

Bắc Giang, ngày 06 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/10.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Công văn số 1589/BXD-KTQH ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc góp ý đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 404/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2013; Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 206/BC-SXD ngày 29 tháng 11 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/10.000), với nội dung sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

a) Phạm vi nghiên cứu trực tiếp được xác định bao gồm: Toàn bộ diện tích tự nhiên của thành phố Bắc Giang, khu vực phụ cận gồm các xã Tiên Phong, Tân Liễu, Nội Hoàng, Hương Gián của huyện Yên Dũng; xã Tân Dĩnh và một phần xã Xuân Hương của huyện Lạng Giang; xã Tăng Tiến của huyện Việt Yên. Ranh giới đề án được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Tân Yên;
- Phía Nam: Giáp huyện Yên Dũng;
- Phía Đông: Giáp huyện Lạng Giang;
- Phía Tây: Giáp huyện Việt Yên.

b) Quy mô nghiên cứu trực tiếp: khoảng 11.970 ha, trong đó:

- Thành phố Bắc Giang: 6.677,36 ha;
- Các xã thuộc huyện Yên Dũng: 3.699,22ha;
- Các xã thuộc huyện Việt Yên: 479,17ha;
- Các xã thuộc huyện Lạng Giang: 1.114,25ha.

c) Phạm vi nghiên cứu gián tiếp gồm một phần các xã: Xuân Phú, Yên Lư, Nham Sơn, Tân An (huyện Yên Dũng); các xã: Nghĩa Trung, Hồng Thái, Vân Trung (huyện Việt Yên); xã Quế Nham (huyện Tân Yên); các xã: Xuân Hương, Thái Đào (huyện Lạng Giang). Phạm vi nghiên cứu gián tiếp có tổng diện tích khoảng 7.274,58 ha. Trong phạm vi này nghiên cứu kết nối hạ tầng, kết nối không gian với các khu vực trong thành phố, đảm bảo tính lâu dài, bền vững cho các khu vực phát triển trong tương lai.

d) Tổng diện tích nghiên cứu khoảng 19.244 ha.

2. Mục tiêu của đồ án:

- Cụ thể hoá Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội và các quy hoạch chuyên ngành của tỉnh Bắc Giang;

- Tạo lập hình ảnh đô thị, cải thiện chất lượng cuộc sống cho tất cả người dân, đáp ứng nhu cầu phát triển mới, hội nhập với sự phát triển của vùng và khu vực, tạo đà thúc đẩy quá trình đô thị hoá và tăng trưởng kinh tế;

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian hướng tới mục tiêu thành phố Bắc Giang trở thành đô thị loại II vào năm 2015;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, triển khai các chương trình phát triển và các dự án đầu tư.

3. Tính chất, chức năng:

a) Tính chất:

- Là Trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh Bắc Giang;

- Có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng;

- Đô thị cửa ngõ, trung tâm đầu mối phía Đông Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội với các ngành kinh tế chủ đạo là: dịch vụ trung chuyển, dịch vụ thương mại tổng hợp, đào tạo, dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, du lịch-nghỉ dưỡng.

b) Chức năng:

- Trung tâm công nghiệp của tỉnh và vùng phụ cận. Duy trì công nghiệp đậm - hóa chất, may mặc; Phát triển các loại hình công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm như công nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông lâm sản...;

- Trung tâm dịch vụ sản xuất (tài chính, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, cung ứng...); các dịch vụ y tế, vui chơi giải trí, mua sắm cho người lao động tại

các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Trung tâm giải trí, du lịch cuối tuần cho người dân;

- Trung tâm đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động;

- Trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hóa chất lượng cao, mua sắm, giải trí của các hướng từ cửa khẩu Lạng Sơn về Thủ đô Hà Nội, từ các tỉnh miền núi phía Bắc về phía Quảng Ninh, Hải Phòng và ngược lại.

4. Dự báo phát triển dân số:

- Năm 2020: Dân số toàn thành phố là: 200.000 người (*trong đó nội thị là: 124.000 người*);

- Năm 2030: Dân số toàn thành phố là: 300.000 người (*trong đó nội thị là: 218.900 người*).

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

- Tiêu chuẩn lấy theo đô thị loại II vào năm 2015: Dân số đô thị đạt 163.000 người; mật độ dân số nội thị: > 8.000 người/km².

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị: Đất dân dụng: 80- 100m²/người.

+ Đất các đơn vị ở: 40-55 m²/người;

+ Đất công trình công cộng: 6-8m²/người;

+ Đất cây xanh TDTT: 10-15 m²/người;

+ Đất giao thông đối nội: 18-22 m²/người.

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

+ Đất giao thông: Mật độ đường 4,5-5 km/km²; Đất giao thông 21 - 23 %;

+ Tiêu chuẩn cấp nước: Sinh hoạt: 120 -150 l/người.ngày đêm; Công nghiệp: 22-40 m³/ ha.ngày đêm;

+ Tiêu chuẩn thoát nước: Sinh hoạt: 100-120l/ người.ngày đêm; Công nghiệp: 20-36 m³/ ha.ngày đêm;

+ Tiêu chuẩn cấp điện: Sinh hoạt: 500w/người; Công nghiệp: 250-400kw/ha;

+ Tiêu chuẩn chất thải rắn: Sinh hoạt: 1,0 kg/ người.ngày đêm; Công nghiệp: 0,5 tấn/ha.ngày đêm.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên toàn thành phố	11.970,22	
	- Đất xây dựng đô thị (nội thị + các cơ sở KTKT tạo thị ở ngoại thị)	5.237,80	
	- Đất khác	6.732,42	

A	Tổng diện tích đất tự nhiên nội thị	4.656,42	
I	Đất xây dựng đô thị tại nội thị	3.677,17	100
1	Đất dân dụng	2.249,87	61,18
2	Đất ngoài khu dân dụng	1.427,30	38,82
II	Đất khác	979,25	
B	Tổng diện tích đất tự nhiên ngoại thị	7.313,80	
1	Đất xây dựng cơ sở kinh tế kỹ thuật tạo thị ở ngoại thị	1.608,33	
2	Đất khác	5.705,47	

(Có bảng phụ lục quy hoạch sử dụng đất chi tiết kèm theo)

7. Định hướng phát triển không gian:

a) Các hướng phát triển:

- Hướng 1: Phát triển theo hướng Tây về các xã Tân Mỹ, Tăng Tiến. Hình thành trục đô thị theo hướng Đông Tây: kết nối các chức năng Trung tâm Hành chính và Đô thị hiện hữu - Đô thị dịch vụ thương mại tổng hợp;

- Hướng 2: Phát triển theo hướng Đông Bắc về các xã Tân Dĩnh, Dĩnh Trì. Phát triển khu trung chuyển dọc theo hành lang Quốc lộ 1 kết nối Quốc lộ 31 với vành đai 5 vùng Hà nội; Hình thành trung tâm đào tạo gắn với cụm trường đào tạo nghề Dĩnh Trì;

- Hướng 3: Phát triển theo hướng Nam - Đông Nam, về các xã Tân Tiến, Đồng Sơn. Phát triển khu đô thị gắn với dịch vụ trung chuyển hàng hóa, các khu sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ du lịch gắn với núi Nham Biền;

- Hướng 4: Phát triển theo hướng Tây Bắc về phía các xã Đa Mai, Song Mai, Nghĩa Trung. Phát triển khu đô thị sinh thái, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, các khu du lịch gắn với đồi Quảng Phúc và núi Nghĩa Trung.

b) Cơ cấu và phân khu chức năng: Trên cơ sở về địa hình, cảnh quan tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, giao thông và các dự án đã và đang hình thành, nghiên cứu đề xuất 8 vùng chức năng chính cho thành phố Bắc Giang, bao gồm:

- Khu vực số 1: Khu đô thị trung tâm, tổng diện tích: 1.608 ha, chiếm tỷ lệ 13,43%; gồm các khu chức năng: Khu dân cư hiện trạng thuộc các phường Trần Nguyên Hãn, Thọ Xương, Ngô Quyền, Trần Phú, Lê Lợi, Hoàng Văn Thụ, khu dân cư số 1, 2 thuộc xã Xương Giang, Dĩnh Kế; Khu đô thị Đông Bắc; Nhà máy đạm Hà Bắc và các cụm công nghiệp nhỏ hiện có trong thành phố; Khu vực cây xanh, không gian đệm.

- Khu vực số 2: Khu vực phía Nam, tổng diện tích: 1.097,27 ha, chiếm tỷ lệ 9,17%; gồm các chức năng: Khu đô thị phía Nam; Khu trung tâm dịch vụ trung chuyển phía Nam; Khu trụ sở cơ quan mới; Khu trung tâm đào tạo; Khu

dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao; Khu công viên nông nghiệp ngăn cách giữa các khu đô thị; Khu công viên đô thị phía Nam; Khu dân cư hiện trạng xã Tân Tiến, Dĩnh Kế, Hương Gián.

- Khu vực số 3: Khu vực phía Tây Nam, tổng diện tích: 1.460,45 ha, chiếm tỷ lệ 12,2%; gồm các khu chức năng: Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng; Khu trung chuyển và cảng Đông Sơn; Khu dân cư Tiên Phong; Khu nhà ở sinh thái; Một phần Khu công nghiệp Vân Trung, Việt Hàn; Khu dân cư hiện trạng thuộc các xã Song Khê, Nội Hoàng, Tiên Phong, Đông Sơn.

- Khu vực số 4: Khu vực phía Tây, tổng diện tích 1.496 ha, chiếm tỷ lệ 12,5%; gồm các khu chức năng: Trung tâm văn hóa và dịch vụ thương mại tổng hợp; Công viên đô thị phía Tây; Trung tâm y tế; Trung tâm thể dục thể thao Tỉnh; các khu dân cư và cụm công nghiệp hiện trạng tại phường Mỹ Độ, các xã Tân Mỹ, Song Khê, Đa Mai, Song Mai; Khu dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao phía Bắc; Khu vực công viên nông nghiệp tại xã Đa Mai; Khu đô thị mới phía Tây; Khu xử lý chất thải rắn.

- Khu vực số 5: Khu vực phía Bắc - đồi Quảng Phúc, Nghĩa Trung, tổng diện tích 720 ha, chiếm tỷ lệ 6,01%; gồm các khu chức năng: Khu du lịch sinh thái, khu nhà ở sinh thái, bệnh viện Lao Phổi, viện tâm thần, trung tâm điều dưỡng, khu du lịch núi, khu lâm nghiệp núi Nghĩa Trung, đồi Quảng Phúc, khu thực nghiệm nông nghiệp, khu dân cư hiện trạng xã Song Mai.

- Khu vực số 6: Khu vực phía Đông Bắc được hình thành song song với việc hoàn thiện đường vành đai 5 - vùng thủ đô Hà Nội, tổng diện tích 676,7 ha, chiếm tỷ lệ 5,65%; gồm các trung tâm đầu mối thương mại, dịch vụ hàng; Khu logistics; Khu dân cư và cụm công nghiệp hiện trạng tại xã Tân Dĩnh.

- Khu vực số 7: Khu vực phía Nam - núi Nham Biền, tổng diện tích 1.312,55 ha, chiếm tỷ lệ 10,97%; gồm các khu chức năng: Khu sân golf và dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch núi; Khu sinh thái lâm nghiệp núi Nham Biền.

- Khu vực số 8: Khu dân cư nông thôn và vùng canh tác nông nghiệp, tổng diện tích 3.599,25 ha, chiếm tỷ lệ 30,07%; gồm các khu chức năng: khu vực nông nghiệp, làng xóm hiện trạng, công trình công cộng, tôn giáo hiện có; Khu vực hành lang bảo vệ sông Thương.

8. Định hướng quy hoạch khu vực phát triển dân cư: Đến năm 2030 phát triển dân cư tại 6 khu vực chính:

a) Khu số 1: Gồm các phường Trần Nguyên Hãn, Thọ Xương, Lê Lợi, Trần Phú, Ngô Quyền, Hoàng Văn Thụ, xã Xương Giang và một phần xã Dĩnh Kế.

- Quy mô: 1.400ha. Năm 2020: đất đơn vị ở khoảng 575 ha, dân số 97.900 người. Năm 2030: đất đơn vị ở khoảng 632 ha, dân số 106.150 người.

- Tính chất : Đây là khu vực Thành phố cũ, dân cư đông đúc và tập trung dọc các trục phố chính. Nhà ở chủ yếu là nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ, nhà chia lô.

- Hướng cải tạo: Hạn chế xây dựng thêm nhà ở trong khu vực dân cư nội thị cũ, tăng cường cây xanh, không gia tăng mật độ xây dựng. Xây dựng xen cây một

số khu dân cư với loại hình nhà ở liền kề, nhà biệt thự. Xây dựng bổ sung một số công trình dịch vụ công cộng, vườn hoa trên cơ sở tái sử dụng quỹ đất do di dời một số nhà máy xí nghiệp như Nhà máy bia, Công ty vật liệu Sông Thương và di chuyển một số cơ quan trên đường Nguyễn Văn Cừ. Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

b) Khu số 2: Khu vực phía Nam đường QL1, thuộc khu vực xã Tân Tiến, Đình Kế, Hương Gián.

- Quy mô: 1.085 ha. Năm 2020: đất đơn vị ở khoảng 120ha, dân số 19.880 người. Năm 2030: đất đơn vị ở khoảng 435 ha, dân số 50.220 người.

- Tính chất: Là khu dân cư hình thành trên cơ sở phát triển các loại hình dịch vụ thương mại hậu cần cho dịch vụ trung chuyên và trung tâm đào tạo. Các loại hình nhà ở gồm: nhà chung cư, nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, ký túc xá sinh viên, nhà biệt thự.

c) Khu số 3: Khu vực phía Nam đường QL1, thuộc khu vực xã Song Khê, Đông Sơn, Tiên Phong.

- Quy mô: 1.256 ha. Năm 2030: đất đơn vị ở khoảng 342 ha (khoảng 67 ha đất ở sinh thái), dân số 41.690 người.

- Tính chất: Là khu dân cư hình thành trên cơ sở phát triển khu trung chuyên hàng hóa, công nghiệp. Các loại hình nhà ở gồm: nhà chung cư, nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, nhà vườn sinh thái.

d) Khu số 4: Khu vực phía Tây trung tâm đô thị hiện hữu, thuộc khu vực phường Mỹ Độ, một phần xã Tân Mỹ, Song Khê, Đa Mai, Song Mai.

- Quy mô: 1.216 ha. Năm 2020: đất đơn vị ở khoảng 176 ha, dân số 37.420 người. Năm 2030: đất đơn vị ở khoảng 365ha, dân số 63.080 người.

- Tính chất: Là khu đô thị thương mại, dịch vụ tổng hợp phía Tây thành phố. Khu ở được xây dựng theo mô hình nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại, nhà ở liền kề và nhà biệt thự dạng song lập.

e) Khu số 5: Khu vực phía Bắc, giáp núi Nghĩa Trung, đồi Quảng Phúc, thuộc khu vực xã Song Mai; Quy mô: 241 ha. Tổ chức mô hình dạng nhà vườn sinh thái. Năm 2030 diện tích đất đơn vị ở khoảng 98 ha, dân số 7.950 người.

f) Khu dân cư làng xóm ngoại thị khác: Năm 2020 dân số khoảng 40.240 người. Năm 2030, dân số khoảng 28.890 người.

Tổng diện tích đất đơn vị ở đô thị năm 2011 khoảng 340 ha. Năm 2020 khoảng 599 ha (trong đó đất đơn vị ở khu vực nội thị khoảng 500 ha; khu dân cư mới tại khu vực ngoại thị khoảng 99 ha); năm 2030 khoảng 1.119 ha (trong đó đất đơn vị ở khu vực nội thị khoảng 972 ha; khu dân cư mới tại khu vực ngoại thị khoảng 147 ha).

9. Quy hoạch các khu vực phát triển công nghiệp, trung chuyên hàng hóa:

a) Khu vực phát triển công nghiệp:

- Nhà máy Đạm Hà Bắc: Quy mô 74 ha. Loại hình sản xuất: công nghiệp hóa chất. Tiếp tục duy trì; nâng cấp, cải tạo dây chuyền công nghệ, bảo vệ môi trường;

- KCN Song Khê - Nội Hoàng: Quy mô 250 ha. Sát nhập cụm công nghiệp Nội Hoàng hiện có, quy mô khoảng 50 ha vào Khu công nghiệp. Loại hình sản xuất: tổng hợp đa ngành;

- KCN Vân trung: Quy mô toàn khu công nghiệp 350 ha. Diện tích nằm trong ranh giới dự kiến mở rộng thành phố Bắc Giang khoảng 150 ha. Các ngành nghề sản xuất: Lắp ráp, chế biến, VLXD;

- KCN Việt Hàn: Quy mô toàn khu công nghiệp: 200 ha. Diện tích nằm trong ranh giới dự kiến mở rộng thành phố Bắc Giang khoảng 50 ha. Các ngành nghề sản xuất: Điện tử dân dụng, công nghiệp nhẹ;

- CCN Xương Giang I: Quy mô 1,1 ha. Tiếp tục duy trì với ngành nghề mộc, cơ khí dân dụng, sửa chữa ô tô...;

- CCN Dĩnh Kế: Quy mô 9,4 ha. Tiếp tục duy trì với ngành nghề sản xuất cơ khí, sửa chữa ô tô...;

- CCN Thọ Xương: Quy mô 13,2 ha. Mở rộng CCN hiện có thêm 7,4 ha với các ngành nghề sản xuất cơ khí, mộc dân dụng, hóa chất, sửa chữa ô tô;

- CCN Xương Giang II: Quy mô 12,7 ha. Tiếp tục duy trì với ngành nghề sản xuất cơ khí, mộc dân dụng, sửa chữa ô tô...;

- Tiểu CCN Dĩnh Kế: Quy mô 9,8 ha. Tiếp tục duy trì với ngành nghề sản xuất cơ khí, vật liệu xây dựng, thiết bị dạy học, sửa chữa ô tô...;

- CCN Làng nghề Đa Mai: Quy mô 8 ha. Mở rộng CCN theo dự kiến thêm 2ha. Các ngành nghề sản xuất gồm chế biến nông sản, làm bún, bánh đa...;

- CCN Tân Mỹ: Quy mô 10,7 ha. Duy trì phát triển với các ngành nghề sản xuất nhựa, chế biến nông sản thực phẩm, cơ khí, sản xuất cầu lông...;

- CCN Tân Mỹ - Song Khê: Quy mô 7,75 ha. Duy trì phát triển các ngành cơ khí, chế biến thức ăn chăn nuôi, thương mại dịch vụ ...;

- CCN Dĩnh Trì: Quy mô 12 ha. Duy trì phát triển các ngành may, xây dựng, vận tải;

- CCN Tân Dĩnh- Phi mô: Quy mô 20 ha. Tiếp tục duy trì với ngành nghề chế biến rau quả xuất khẩu, may mặc, xây dựng, vận tải;

- CCN Non Sáo (Tân Dĩnh): Quy mô 20 ha. Tiếp tục duy trì với ngành nghề vật liệu xây dựng, cơ khí;

- CCN Tăng Tiến: Quy mô 26,5 ha. Xây dựng mới với các ngành sản xuất, lắp ráp ô tô, sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ cao;

- CCN Tiên Phong: Quy mô 15 ha. Xây dựng mới với các ngành công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm;

- CCN phía Đông đường Vành đai Đông Bắc (thuộc xã Xuân Hương): Quy mô 22,6 ha (dự kiến có thể mở rộng thành 36,5 ha). Phát triển các loại hình công nghiệp sạch không gây ô nhiễm môi trường.

- Chuyển đổi chức năng các khu vực: CCN Xương giang III (dự kiến: 44,3 ha) thành khu dân cư trong khu đô thị Đông Bắc; khu vực công ty chế biến lương thực Hà Bắc thành khu công viên, trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp và dân cư; Nhà máy bia thành khu dân cư; Công ty vật liệu Sông Thương thành khu dân cư; Nhà máy chế biến dầu chuyển đổi thành trung tâm nghiên cứu, dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao. Các khu vực sản xuất gây ô nhiễm của một số nhà máy xí nghiệp nhỏ lẻ rải rác trong khu vực nội thị chuyển đổi thành cơ sở giao dịch, giới thiệu sản phẩm của nhà máy...;

b) Khu vực trung chuyển hàng hóa: Tổ chức khu trung chuyển hàng hóa tại vị trí thuận lợi cho việc quá cảnh hàng hóa và tiếp cận kinh doanh dọc theo tuyến giao thông chính của vùng thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Giang; Khu trung chuyển và trung tâm đầu mối giao thông sẽ là hai động lực phát triển quan trọng, đầu mối thu gom, chế biến sản phẩm nông nghiệp, các hạng mục công nghiệp và xuất khẩu vùng thủ đô Hà Nội và Quốc tế. Nâng cao GDP địa phương, phát triển thương mại dịch vụ.

- Giai đoạn đến năm 2030: Tổng diện tích đất trung chuyển khoảng 142 ha, bố trí tại 2 khu vực:

+ Khu trung chuyển phía Tây Nam, tại cảng Đồng Sơn, kết nối với khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, quy mô: 94,3ha (giai đoạn đầu:74,6ha);

+ Khu trung chuyển phía Đông Bắc gắn với QL1, quy mô 47,7ha.

- Giai đoạn sau 2030 (dự trữ phát triển): Khi đường vành đai 5 - vùng thủ đô Hà Nội hình thành, dự kiến phát triển mở rộng khu trung chuyển tại phía Đông Bắc, tại điểm giao cắt chính giữa đường vành đai 5 - vùng thủ đô Hà Nội với đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, diện tích đất dự trữ xây dựng khu trung chuyển khoảng 129,3 ha.

10. Tổ chức hệ thống trung tâm và phân bố các công trình công cộng:

a) Trung tâm hành chính, văn hóa cấp đô thị:

- Trung tâm hành chính: Tổng diện tích khoảng 51 ha.

+ Trung tâm hành chính cấp tỉnh: Giữ nguyên vị trí hiện nay trên trục đường Hùng Vương. Dự kiến quỹ đất khoảng 20ha tại khu vực phía Nam, trên đường Hùng Vương - Tây Yên tử, xây dựng các cơ quan ban ngành của tỉnh;

+ Trung tâm hành chính cấp thành phố: Giữ nguyên vị trí hiện nay trên đường Ngô Gia Tự. Mở rộng UBND thành phố về phía Công ty điện ảnh (đường Nguyễn Thị Lưu) quy mô từ 0,76 ha lên 1,3 ha;

- Trung tâm văn hóa: Diện tích khoảng 37 ha. Duy trì nâng cấp các công trình: Bảo tàng, Thư viện tỉnh. Hoàn thiện Quảng trường 3/2 và Hội trường đa năng tỉnh. Xây mới trung tâm văn hóa gồm Nhà hát, Rạp chiếu phim tại phường

Mỹ Độ, quy mô 7 ha. Xây mới Trung tâm triển lãm văn hóa thành phố quy mô 9,3ha tại khu đô thị phía Tây; Các trung tâm văn hóa cấp phường được xây dựng trong các khu đô thị mới quy mô 0,5 ha/nhà văn hóa.

b) Trung tâm y tế, giáo dục, các cơ quan:

- Về y tế: Quy mô khoảng 97 ha. Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh bệnh viện đa khoa Tỉnh. Xây mới bệnh viện đa khoa quốc tế Hà Nội - Bắc Giang tại khu vực Nam Dĩnh Kế. Nâng cấp, cải tạo các trung tâm y tế cấp phường hiện có, bổ sung xây mới các trung tâm y tế tại các khu đô thị mới. Xây mới trung tâm điều dưỡng tại khu vực đồi Quảng Phúc, quy mô khoảng 5ha. Hình thành khu trung tâm y tế mới ở phía Tây ĐT398, quy mô khoảng 60 ha. Đây sẽ là khu vực tập trung các bệnh viện chuyên khoa, là vệ tinh cho các bệnh viện của Hà Nội như Bệnh viện ung bướu, Bệnh viện nội tiết, Bệnh viện mắt...

- Về đào tạo: Quy mô khoảng 135 ha.

+ Trong thành phố: Giữ nguyên vị trí các trường cao đẳng kỹ thuật công nghiệp, trung tâm giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp, trường trung cấp nghề giao thông vận tải, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung cấp nghề 19-5, cao đẳng công nghệ Việt Hàn;

+ Nâng cấp trường trung cấp kinh tế kỹ thuật thành trường cao đẳng, nâng cấp và chuyển vị trí các trường trung cấp văn hóa du lịch thể thao, trung cấp y tế. Xây dựng mới trường đại học Bắc Giang;

+ Hình thành khu trung tâm đào tạo tại phía Tây đường QL31 gắn với trường cao đẳng công nghệ Việt Hàn thành một quần thể trung tâm đào tạo với quy mô khoảng 95 ha;

+ Ngoài thành phố, trong khu vực nghiên cứu, giữ nguyên vị trí và quy mô trường cao đẳng sư phạm Ngô Gia Tự. Hoàn thiện trường cao đẳng nghề đang xây dựng tại Thái Đào; Hoàn thiện trung tâm giáo dục quốc phòng tại Quế Nham quy mô 6,6 ha;

+ Giáo dục phổ thông trung học: Quy mô dân số nội thị dự báo đến 2030: 218.900 người. Bố trí mạng lưới trường trung học đảm bảo bán kính phục vụ cho dân cư các khu đô thị. Ngoài 4 trường THPT và 3 trường trung cấp nghề hiện có, cần đầu tư xây mới 6-7 trường THPT và dạy nghề (quy mô 2-3 ha/trường).

c) Trung tâm thương mại dịch vụ: Tổng diện tích khoảng 249 ha.

- Xây dựng chợ đầu mối: Quy mô 35 ha. Bố trí tại khu vực Tân Dĩnh gắn với QL1 và khu trung chuyển hàng hóa phía Đông Bắc trong tương lai;

- Trung tâm hội chợ triển lãm: Quy mô 10 ha. Dự kiến tại phía Nam khu đô thị phía Nam, gắn với công viên văn hóa phía Nam;

- Dự kiến xây dựng mới 6 siêu thị trong đó có 3 siêu thị hạng 1 quy mô 1-1,5 ha/siêu thị; 11 trung tâm thương mại bố trí tại trục trung tâm 3 khu đô thị lớn: Khu đô thị trung tâm, khu đô thị phía Nam và khu đô thị phía Tây. Các trung tâm

thương mại kết hợp với các trục phố thương mại, dịch vụ để hình thành mô hình chuyên doanh các loại hàng hoá theo khu vực...;

- Xây dựng mạng lưới chợ nội thị (trên cơ sở đầu tư nâng cấp các chợ hiện nay trong nội thị cũ, chợ xây mới trong các đô thị mới), quy mô: 0,5 - 1ha/1chợ;

- Xây dựng các trung tâm để thu mua nông sản khu vực tạo thuận lợi cho nông dân tiêu thụ hàng hóa gắn với các khu dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao ở phía Tây Bắc và phía Đông Nam, quy mô 1-1,5 ha/chợ;

- Từng bước di chuyển trụ sở cơ quan trên trục đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Xương Giang đến ngã tư đường Lê Lợi) để xây dựng Trung tâm tài chính, ngân hàng, dịch vụ thương mại.

11. Tổ chức hệ thống cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước

a) Công trình thể dục thể thao:

- Hình thành trung tâm thể dục thể thao cấp tỉnh tại phía Tây trên ĐT398, quy mô 50 ha; gồm: sân vận động trung tâm, nhà thi đấu, khu thể thao dưới nước, sân thi đấu ngoài trời...;

- Chuyển đổi các công trình thể thao cấp tỉnh cũ về thành phố. Nâng cấp công trình: Sân vận động, Nhà thi đấu hiện có.

b) Công viên cây xanh: Tổng diện tích công viên cây xanh trong thành phố khoảng 342 ha. Xây dựng 3 công viên lớn trong thành phố, mỗi công viên thành phố có một tính chất riêng:

- Công viên Hoàng Hoa Thám: Quy mô khoảng 38,7 ha tại khu trung tâm hiện có. Công viên này sẽ được sử dụng cho các hoạt động vui chơi giải trí, hoạt động lễ hội, kỷ niệm của thành phố.

- Công viên phía Tây: Quy mô khoảng 50 ha; công viên này sẽ được bố trí dọc theo đường cong bờ Tây của sông Thương và mang tính năng động cao với các cơ sở thương mại và giải trí khác nhau. Công viên kết hợp với hồ điều hòa của thành phố và một số khu vực được khai thác sử dụng theo mùa. Trong công viên tổ chức các loại hình vui chơi giải trí, vườn sinh vật cảnh, dịch vụ... phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi của người dân thành phố.

- Công viên phía Nam: Quy mô khoảng 40 ha, nằm tại khu vực phía Nam của thành phố sẽ tập trung tổ chức các lĩnh vực: lịch sử văn hóa, nông nghiệp và các thể mạnh của thành phố.

- Hình thành vùng không gian xanh hai bên sông Thương kết hợp với các không gian xanh phục vụ khu ở và các không gian dịch vụ thương mại khai thác theo mùa đoạn qua khu trung tâm, tạo nên nét đặc trưng cho trung tâm thành phố. Hình thành các công viên chức năng dọc theo hai bên bờ sông Thương, nâng cao hình ảnh đô thị đồng thời kết nối với các khu chức năng lân cận.

- Hình thành các khu công viên vui chơi giải trí, học tập, nghỉ dưỡng, công viên nông nghiệp khai thác các vùng trũng tại ngòi Đa Mai, tuyến mặt nước phía

Nam nối với trạm đầu mối Văn Sơn và các tuyến cảnh quan, thương mại nhà hàng và tuyến du lịch kết nối phía Bắc và phía Nam sông Thương.

12. Khu vực dân cư nông thôn hiện hữu và phát triển nông nghiệp:

- Các khu vực dân cư làng xóm hiện hữu, cần tuân thủ các định hướng lớn của đô thị và triển khai theo quy hoạch nông thôn mới. Dựa vào điều kiện tự nhiên cần bảo tồn tôn tạo các cấu trúc làng xóm hiện hữu có giá trị, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đấu nối với hạ tầng khung của đô thị và khu vực. Phát huy hiệu quả các quỹ đất nông nghiệp;

- Xây dựng 02 trung tâm nghiên cứu, đào tạo chuyên giao công nghệ nông nghiệp (sản xuất bằng công nghệ sinh học và bằng các phương pháp hữu cơ, xây dựng dây chuyền sản xuất, phân phối khép kín,...):

+ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao phía Tây Bắc quy mô khoảng 48ha gắn với khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao tại xã Song Mai, quy mô khoảng 100 ha. Tại đây chủ yếu nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả, các loại cây nông nghiệp đặc sản của Bắc Giang và một số giống cây mới của các vùng địa phương khác có khả năng trồng tại Bắc Giang, chăn nuôi (gia cầm, thủy cầm...);

+ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao phía Đông Nam quy mô 36ha gắn với khu thực nghiệm nông nghiệp tại xã Tân Liễu, quy mô khoảng 200ha. Tại đây phát triển nghiên cứu về các loại hoa màu, lúa, rau quả,...

13. Các khu vực du lịch sinh thái:

Hình thành 02 khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch núi và sinh thái nông nghiệp trên địa bàn thành phố: Phía Bắc quy hoạch Khu du lịch sinh thái gắn với đồi Quảng Phúc và núi Nghĩa Trung, quy mô 75,6 ha. Phía Nam quy hoạch khu du lịch núi Nham Biền gắn với các hoạt động nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, văn hóa tâm linh, quy mô 120,4 ha.

14. Tổ chức không gian đô thị:

a) Các khu vực trung tâm: Tạo nên các khu vực trung tâm có không gian kiến trúc đặc trưng, sôi động, đa dạng và có ý nghĩa văn hóa thông qua kiểu mẫu kiến trúc công trình. Ngoài ra cần tạo không gian dẫn hướng đến các khu vực trung tâm.

b) Các trục không gian chính trong đô thị:

- Các trục không gian đô thị chủ đạo:

+ Trục Hùng Vương - Tây Yên Tử: Là trục trung tâm hành chính - văn hóa - đào tạo- vui chơi giải trí. Bố trí các công trình trụ sở cơ quan, văn phòng, công viên vui chơi giải trí lớn....

+ Trục Lê Lợi - Khu đô thị phía Tây: Là trục kết nối đô thị hiện hữu với đô thị dịch vụ thương mại phía Tây. Gồm tổ hợp các công trình Trung tâm dịch vụ thương mại, văn phòng, khách sạn, triển lãm, trung tâm văn hóa, phố dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở.

+ Trục dịch vụ trung chuyển phía Tây Nam: Là trung tâm dịch vụ hỗ trợ cho khu vực kho vận trung chuyển phía Tây Bắc và Đông Nam của thành phố. Gồm các trung tâm bán sỉ, bán lẻ, trung tâm giao dịch, ký gửi hàng hóa, khách sạn, khu phố giải trí, dừng chân cho vận tải đường dài.

- Trục cảnh quan tự nhiên: Sông Thương là hành lang sinh thái tự nhiên và giải trí, mang lại cơ hội cho sự phát triển giải trí và thương mại dịch vụ. Đoạn qua khu trung tâm được quy hoạch thành công viên bên sông, với cầu đi bộ được thiết kế nối hai bờ tại khu vực chợ Thương nối với cảng du lịch Á Lữ. Tại khu vực ngoài đê cho phép xây dựng các công trình dịch vụ thương mại, giải trí khai thác theo mùa. Sử dụng giải pháp công trình để không ảnh hưởng tới dòng chảy mùa mưa lũ như sử dụng công trình lắp ghép, công trình chống cột... Phía Tây bờ sông, phía Bắc Quốc lộ 1, khu vực trong đê, sẽ là công viên đô thị, bao gồm các hoạt động thương mại giải trí.

c) Quy hoạch các công trình chủ chốt và điểm nhấn trong đô thị: Xây dựng các công trình văn hóa, dịch vụ thương mại trở thành các công trình điểm nhấn, mang nét đặc trưng để nhận diện các khu vực trong thành phố.

d) Quy hoạch các hướng vào Thành phố:

- Cửa ngõ số 1: Hướng từ thủ đô Hà Nội vào thành phố. Tại đây tổ chức nút giao thông lập thể để từ đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn tiếp cận đến các khu chức năng đô thị như khu đô thị mới; khu công nghiệp, dịch vụ trung chuyển ở phía Nam thuận tiện. Xây dựng công trình biểu tượng đón hướng nhìn từ nhiều phía mang biểu trưng về một đô thị xanh;

- Cửa ngõ số 2: Hướng từ đường Tây Yên Tử về thành phố. Khu vực cửa ngõ gắn với hình ảnh của công viên văn hóa và trung tâm hội chợ thương mại;

- Cửa ngõ số 3: Hướng từ QL31 về thành phố. Hình ảnh cửa ngõ gắn với các khu trung tâm đào tạo nghề Khang Trang, hiện đại tại Đình Trì;

- Cửa ngõ số 4: Hướng từ Lạng Sơn về Hà Nội trên tuyến QL1. Tại đây tổ chức nút giao thông lập thể hướng vào thành phố, gắn với hình ảnh một trung tâm thương mại đầu mối và khu dịch vụ trung chuyển hàng hóa phát triển năng động, hiện đại;

- Cửa ngõ số 5: Hướng từ Tân Yên về thành phố trên ĐT398. Khu vực cửa ngõ gắn với hình ảnh cụm trường cao đẳng Sư phạm Ngô Gia Tự và trung tâm giáo dục quốc phòng;

- Cửa ngõ số 6: Hướng từ Hà Nội vào thành phố trên tuyến ĐT295B. Khu vực cửa ngõ gắn với hình ảnh đô thị mới và cụm công trình trung tâm dịch vụ thương mại cao tầng phía Tây của thành phố.

e) Tầng cao xây dựng:

Phương án khống chế độ cao xây dựng: Thành phố Bắc Giang là đô thị cải tạo nên quỹ đất bị đan xen nhiều bởi các khu vực xây dựng cũ và làng xóm cũ. Vì vậy, chiều cao công trình mới không nên quá cao so với công trình khu vực

cũ. Phương án khống chế dựa trên nguyên tắc kết hợp tuyến, điểm, diện và căn cứ vào hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất xác định chiều cao từng khu vực:

- Dọc trên các tuyến đường chính đô thị khuyến khích xây dựng đối với công trình công cộng tối thiểu 5 tầng, đối với nhà ở nhà ở tối thiểu 3 tầng, một số khu vực trên 5 tầng;

- Tại giao cắt các tuyến đường chính khu vực khuyến khích xây dựng nhà cao trên 5 tầng;

- Các khu dân cư hiện có giữ nguyên tầng cao như hiện nay, hạn chế tối đa xây dựng nhà cao ở bên trong các làng xóm hiện có (khuyến khích phát triển loại hình nhà vườn, nhà truyền thống). Các khu vực có di tích lịch sử có giá trị cần giữ lại, các công trình xung quanh xây dựng tối đa không quá 5 tầng.

15. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

15.1. Định hướng quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đô thị

- Mạng lưới: Mạng lưới giao thông thành phố xây dựng theo mạng kết hợp. Các trục đường trong khu thành phố cũ sẽ được cải tạo và nâng cấp, hệ đường và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đi kèm phải được hoàn thiện đáp ứng tiêu chuẩn của đường đô thị.

- Xác định quy mô phân cấp các tuyến đường:

+ Đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn): Lộ giới 100-110m;

+ Đường tỉnh 295B (đoạn qua đô thị): Lộ giới 40m;

+ Vành đai 5 - vùng Thủ đô Hà Nội: Lộ giới 100 - 110m;

+ Đường trục chính đô thị: 30-56m;

+ Đường liên khu vực mặt cắt ngang 21 - 27m;

+ Đường chính khu vực mặt cắt ngang 19 - 20,5m:

- Hệ thống công trình phục vụ giao thông:

+ Cầu công: Cải tạo nâng cấp các cầu trên các tuyến phù hợp với cấp hạng đường;

+ Nút giao thông: Xây dựng hệ thống các nút giao cắt khác mức đúng tiêu chuẩn;

+ Cải tạo xây dựng hệ thống các bến, bãi đỗ xe: Các bến xe xây dựng mới dự kiến có diện tích từ 2-3 ha, kết hợp các điểm đầu cuối xe buýt nội đô. Dự kiến xây dựng 3 bến xe đối ngoại mới.

b) Đường sắt: Đường sắt Quốc gia

Nâng cấp đường sắt đơn khổ kép 1m-1,435 m qua khu vực; Quy hoạch xây dựng 01 ga đường sắt tổng hợp mới quy mô 20 ha nằm trong khu vực giao giữa đường vành đai 5 - vùng thủ đô Hà Nội và đường cao tốc Hà Nội - Lạng

Son. Ga Bắc Giang cũ sẽ được chuyển đổi chức năng là ga hành khách du lịch cho đô thị.

c) Đường thủy:

- Luồng tuyến đường sông: Khai thác tối đa các tuyến vận tải thủy trong Vùng, đặc biệt trên hệ thống sông Thái Bình và các tuyến đường thủy kết nối trực tiếp với cụm cảng biển cửa ngõ Hải Phòng và Quảng Ninh;

- Hệ thống bến cảng: Cảng Á Lữ: Được chuyển chức năng thành Cảng du lịch trong tương lai. Cảng Đồng Sơn: Được xây dựng để đảm nhận chức năng vận chuyển hàng hóa cho thành phố.

d) Tổ chức hệ thống đầu mối giao thông tiếp vận tổng hợp: Đầu mối liên kết đường sắt quốc gia, đường bộ và đường cao tốc, quy mô 4-5 ha.

15.2. Chuẩn bị kỹ thuật (san nền và thoát nước mặt):

a) Hệ thống công trình phòng chống lũ:

- Hoàn thiện và duy tu các tuyến đê, sông Thương, sông Cầu đảm bảo tiêu chuẩn chống lũ;

- Xây dựng hệ thống hồ điều tiết trong thành phố và vùng thượng nguồn sông Cầu, sông Thương;

- Tăng cường mặt phủ xanh, rừng phòng hộ đầu nguồn;

- Đê sông Thương, Đê sông Cầu thuộc phạm vi thành phố Bắc Giang là các tuyến đê cấp III, có tiêu chí bảo vệ bảo vệ thành phố với tần suất $P=(2\div 5)\%$.

b) Nền xây dựng:

- Khu vực phát triển mới:

+ Khu cây xanh, công viên: $H_{min} \geq +4,2m$;

+ Khu ở, trung tâm dịch vụ: $H_{min} \geq +4,5m$;

+ Khu công nghiệp, trung tâm hậu cần: $H_{min} \geq +4,7m$;

+ Độ dốc nền đắp tối thiểu: $I_{nền} \geq 0,004$, đảm bảo thoát nước tự chảy;

+ Độ dốc đường tối đa với các khu vực có độ dốc địa hình lớn: $I_{max} \leq 8\%$;

+ Phát triển xây dựng trên nền đất canh tác (đất yếu, kém chịu tải..) cần bóc lớp đất hữu cơ, đắp bù trả, đầm nền theo tiêu chuẩn (phù hợp với tính chất cơ lý của đất).

- Khu vực cải tạo:

+ Khu vực có mật độ xây dựng cao, không có điều kiện tôn tạo nền, cần có giải pháp thoát nước hợp lý, đấu nối với hệ thống của thành phố, tránh úng ngập cục bộ;

+ Khu vực xây dựng xen cây hạn chế đào đắp, nền sân vườn cần hài hòa với nền hiện trạng xung quanh ($H_{nền}: +4\div 4,2m$), nền công trình mới:

$H_{min} \geq +4,5m$, đồng thời cần tổ chức các tuyến thoát nước quanh khu vực xây mới, tránh gây úng cục bộ cho khu vực hiện trạng.

c) Thoát nước mặt:

+ Xây dựng hệ thống hồ điều tiết nước mặt, hệ thống kênh mương và trạm bơm tiêu úng;

+ Giữ hệ thống kênh tưới, tiêu cấp I, II, trạm bơm đầu mối trong vùng nội, ngoại thị (thuộc hệ thống thủy lợi đầu mối của Thành phố và các vùng lân cận);

+ Tận dụng tối đa các trục tiêu thoát tự nhiên hiện có; nạo vét, khơi thông dòng chảy trong mùa mưa lũ;

+ Rà soát hệ thống trạm bơm và kênh tiêu, kiên cố hóa hệ thống kênh, nâng cấp mở rộng theo nhu cầu để phù hợp với hướng sử dụng đất trong quá trình phát triển;

+ Thiết lập hành lang xanh dọc hệ thống kênh thủy lợi với khoảng cách từ bờ kênh $b=(3\div 5)m$ theo quy định bảo vệ công trình thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Tận dụng mặt nước hiện có, vùng ruộng trũng xây dựng hệ thống hồ cảnh quan, kết hợp điều tiết nước mặt, cải thiện môi trường sinh thái, giảm thiểu quy mô các công trình tiêu úng, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị.

d) Hệ thống thoát:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mặt hoàn chỉnh, thoát riêng với nước thải: Tăng cường tiêu tự chảy thông qua hệ thống hồ điều hòa, hạn chế tiêu động lực;

- Cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng cho khu vực nội thành, khu vực ngoại thành sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng;

- Kè bờ hồ và các trục tiêu hở, đảm bảo dòng chảy không bị lấn chiếm;

- Dự kiến nâng cấp các trạm bơm tiêu:

+ Trạm bơm tiêu Cống Bún: $(14 \times 8.000 + 5 \times 8.000) m^3/h$;

+ Trạm bơm Tân Liễu: $(6 \times 1.000) m^3/h$, nâng cấp lên $(3 \times 5.000) + (2 \times 2.500) m^3/h$.

15.3. Cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt:

+ Dân cư nội thị: 120-150 l/người.ngày đêm;

+ Dân cư ngoại thị: 80 – 100 l/người.ngày đêm.

- Các công trình đầu mối:

+ Giai đoạn 2012 -2020: Giữ nguyên trạm bơm cấp 1 và nhà máy nước Bắc Giang từ $35.000 m^3/ngày\ đêm$; xây dựng mới trạm bơm cấp 1 và nhà máy nước số 2 công suất: $25.000 m^3/ngày\ đêm$;

+ Giai đoạn 2020-2030: Nâng công suất nhà máy nước Bắc Giang từ $35.000 m^3/ngày\ đêm$ lên $50.000 m^3/ngày\ đêm$. Giữ nguyên công suất thiết kế theo dự án cấp nước của nhà máy nước số 2. Xây dựng mới 01 trạm bơm nước

thô công suất: 50.000m³/ ngày đêm đặt ở gần đập dâng Cầu Sơn dẫn nước thô theo ĐT295B với chiều dài 25km về nhà máy nước Bắc Giang để xử lý.

- Mạng lưới cấp nước: Căn cứ vào mạng lưới cấp nước hiện có, thiết kế thêm các tuyến ống mới từ Ø100÷Ø800 đảm bảo cấp nước tới các hộ tiêu thụ.

15.4. Cấp điện:

- Tiêu chuẩn cấp điện: Tính toán theo chỉ tiêu áp dụng đối với đô thị loại II.

- Nguồn điện:

+ Nâng cấp trạm 220kV Bắc Giang lên (125+250)MVA trong giai đoạn 2011-2015 và (2x250)MVA trước 2030;

+ Xây dựng mới 3 trạm 110kV mới (phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt).

- Lưới điện:

+ Thiết kế lưới điện 110kV, mỗi trạm 110kV được cấp điện từ 2 đường dây 110kV trở lên;

+ Lưới trung áp sẽ từng bước cải tạo về cấp điện áp 22kV phù hợp với mật độ phụ tải và đảm bảo tiêu chuẩn của ngành điện;

+ Các khu đô thị đã ổn định: Quy hoạch lưới điện phải được ngầm hóa để đảm bảo cảnh quan đô thị, tránh đầu tư nhiều lần. Để thuận tiện trong vận hành, lắp đặt, sửa chữa đường cáp ngầm nên bố trí trong hào cáp kỹ thuật chung.

15.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Giải pháp quy hoạch thoát nước thải: Toàn bộ phạm vi nghiên cứu quy hoạch được chia thành hai lưu vực lớn là lưu vực Đông sông Thương và lưu vực Tây sông Thương, trong đó:

- Lưu vực Đông sông Thương được chia thành 4 lưu vực nhỏ E1, E2, E3, E4:

+ Lưu vực E1: Phía Tây Bắc giáp đường sắt, phía Tây và Nam giáp sông Thương, phía Đông giáp đường vành đai 5 – Vùng Thủ đô Hà Nội; Hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống riêng và nửa riêng; Toàn bộ nước thải sinh hoạt của lưu vực này được thu gom về nhà máy xử lý nước thải đô thị SH1 (đã có) với công suất sau khi mở rộng diện tích, nâng cấp đạt 20.000 m³/ngày đêm.

+ Lưu vực E2: Phía Bắc giáp kênh tiêu thủy lợi, phía Nam giáp đường sắt; Hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống riêng; Toàn bộ nước thải của lưu vực này được thu gom về các trạm bơm nước thải trung chuyển và dẫn về lưu vực E1 và cuối cùng dẫn về nhà máy xử lý nước thải SH1; Xây dựng nhà máy xử lý nước thải công nghiệp CN1 công suất 12.000 m³/ ngày đêm.

+ Lưu vực E3: Phía Nam giáp kênh tiêu thủy lợi; Do lưu vực này có mật độ dân cư thấp nên nước thải từ lưu vực này sẽ được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn môi trường trong từng công trình trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Lưu vực E4: Phía Đông Bắc đường vành đai 5 – Vùng thủ đô Hà Nội; Khu vực logistic và khu đô thị dịch vụ Đông Bắc dự kiến quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn; Xây dựng nhà máy xử lý nước thải đô thị SH4 công suất 5.500 m³/ ngày đêm; Khu vực nông thôn, có mật độ dân cư thấp, nên nước thải từ khu vực này sẽ được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn môi trường trong từng công trình trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Lưu vực Tây sông Thương được chia thành 4 lưu vực nhỏ W1, W2, W3, W4:

+ Lưu vực W1: Phía Bắc giáp Quốc lộ 1, phía Đông giáp sông Thương; Các khu công nghiệp, khu logistic dự kiến quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn; Toàn bộ nước thải của lưu vực này được thu gom về các trạm bơm nước thải trung chuyển và dẫn về lưu vực W2 và cuối cùng dẫn về nhà máy xử lý nước thải đô thị SH2 có công suất 8.000 m³/ ngày đêm; Xây dựng nhà máy xử lý nước thải công nghiệp CN2 công suất 12.600 m³/ ngày đêm; Cụm du lịch sinh thái, sân golf: nước thải từ khu vực này sẽ được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn môi trường trong từng công trình trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Lưu vực W2: Phía Nam giáp Quốc lộ 1, phía Bắc giáp đường sắt; Hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống riêng; Xây dựng nhà máy xử lý nước thải đô thị SH2 công suất 8.000 m³/ ngày đêm.

+ Lưu vực W3: Phía Nam giáp đường sắt, phía Bắc giáp kênh tiêu thủy lợi; khu đô thị dịch vụ Bắc thành phố: dự kiến hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn; Xây dựng nhà máy xử lý nước thải đô thị SH3 công suất 5.000 m³/ ngày đêm; Các cụm du lịch sinh thái: Nước thải từ khu vực này sẽ được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn môi trường trong từng công trình trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Lưu vực W4: Khu vực nông thôn, có mật độ dân cư thấp, nên nước thải từ khu vực này sẽ được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn môi trường trong từng công trình trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

b) Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR):

- CTR đô thị phải được phân loại tại nguồn thải thành các chất hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến khu xử lý CTR của thành phố;

- Trong giai đoạn đến năm 2015, dự kiến xây dựng nhà máy xử lý CTR với công nghệ hiện đại, công suất 300 tấn/ngày tại bãi chôn lấp CTR Đa Mai hiện nay (tỷ lệ CTR chôn lấp đạt thấp hơn 10% khối lượng thu gom);

- Trong tương lai sau năm 2030, trong phạm vi toàn tỉnh, sẽ định hướng quy hoạch và xây dựng 01 khu liên hợp xử lý CTR cấp vùng tỉnh, có diện tích khoảng 50-100 ha, với công nghệ xử lý hiện đại. Vị trí khu liên hợp xử lý CTR cấp vùng tỉnh này có thể dự kiến đặt tại huyện Lục Nam.

c) Quy hoạch nhà tang lễ và nghĩa trang

- Dự kiến xây dựng mới 2 nhà tang lễ cho thành phố (một ở phía Đông và một phía Tây sông Thương), có diện tích khoảng 10.000m²;

- Từng bước dừng chôn cất mới tại nghĩa trang Tân An. Tại nghĩa trang này sẽ cải tạo, trồng thêm cây xanh và chôn cất táng;

- Dự kiến xây dựng nghĩa trang mới tại Đa Mai. Nghĩa trang này đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, có công trình hòa táng, đáp ứng nhu cầu của nhân dân thành phố và vùng phụ cận.

15.6. Thông tin liên lạc: Đầu tư mới và hoàn thiện các cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc trong thành phố đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông.

15.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

a) Phân vùng bảo vệ môi trường: Khu vực nghiên cứu quy hoạch được chia thành 5 khu vực bảo vệ chính:

- Khu vực phát triển đô thị trung tâm thương mại, dịch vụ: Gắn với bảo vệ cảnh quan cây xanh, mặt nước, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn tập trung của mỗi khu chức năng;

- Khu đô thị sinh thái: Xây dựng mật độ xây dựng thấp, phát triển hài hòa cảnh quan và môi trường. Kết hợp cảnh quan cây xanh và mặt nước trong khu vực, tạo không gian thoáng, trong lành;

- Khu công nghiệp, logistic: phát triển công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường công nghiệp hàng năm. Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn;

- Khu nông nghiệp sinh thái: định hướng phát triển ngành nông nghiệp chất lượng cao, năng suất cao, hạn chế tối đa việc sử dụng các hóa chất bảo vệ thực vật;

- Khu du lịch sinh thái, sân golf: Xây dựng công viên sinh thái, bảo vệ hệ sinh thái nước mặt trong khu vực, đảm bảo cải thiện chất lượng không khí, phát triển hài hòa, cảnh quan và môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Các quy định về môi trường và vùng đệm cảnh quan đối với từng khu vực: Căn cứ theo mức độ tác động tới môi trường xung quanh và các quy định trong quy chuẩn hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đề xuất các quy định cụ thể nhằm quản lý các nguồn và hoạt động tác động đến môi trường trong khu vực quy hoạch.

c) Các giải pháp quản lý và giảm thiểu tác động môi trường: Để giải quyết tốt vấn đề quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững của khu vực nghiên cứu quy hoạch cần phải áp dụng đồng bộ các biện pháp.

d) Xây dựng chương trình quan trắc, giám sát môi trường thành phố Bắc Giang và phụ cận.

16. Những dự án ưu tiên đầu tư xây dựng:

- Dự án cải tạo đường tỉnh 295B;

- Dự án đường tỉnh 293 (đường Hùng Vương - Tây Yên Tử);

- Dự án đường vành đai Đông Bắc;

- Dự án nhà máy cấp nước số 2 công suất 25.000m³/ngày đêm (GD1);

- Dự án nghĩa trang nhân dân thành phố;

- Dự án bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang;
- Dự án xây dựng trụ sở khu cơ quan ban ngành tỉnh;
- Dự án bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện chuyên khoa;
- Dự án trường cao đẳng nghề;
- Dự án khu nhà ở phường Mỹ Độ;
- Dự án cải tạo chung cư cũ tại khu tập thể nhà máy Đạm, xây dựng nhà chung cư, nhà ở xã hội;
- Cải tạo nâng cấp các trạm bơm thoát nước;
- Xây dựng khách sạn tiêu chuẩn 3 sao tại khu trung tâm;
- Xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại;
- Xây dựng bệnh viện chuyên ngành: Bệnh viện mắt, bệnh viện quốc tế;
- Xây dựng nhà tang lễ thành phố;
- Dự án nhà máy xử lý rác.

17. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 206/BC-SXD ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Sở Xây dựng và Hồ sơ đề án được thẩm định.

Điều 2. UBND thành phố Bắc Giang, UBND các huyện: Tân Yên, Yên Dũng, Lạng Giang, Việt Yên có trách nhiệm tổ chức công bố, cắm mốc và quản lý theo quy hoạch được duyệt. Tổ chức triển khai lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Kho bạc Nhà nước tỉnh; UBND thành phố Bắc Giang, UBND các huyện: Tân Yên, Yên Dũng, Lạng Giang, Việt Yên và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *M.T.*

Nơi nhận: *N*

- Như điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, VX, CN, KTN, TH;
- + Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quỳnh

Lại Thanh Sơn

BẢNG PHỤ LỤC QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 652 /QĐ - UBND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh)



Stt	Hạng mục đất	Hiện trạng năm 2011			Quy hoạch năm 2012								
		Diện tích (ha)	Chỉ tiêu m2/ng	Tỉ lệ (%)	Quy hoạch năm 2020			Quy hoạch năm 2030					
					Diện tích (ha)	Chỉ tiêu m2/ng	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)			Chỉ tiêu m2/ng	Tỉ lệ (%)	
								TP hiện hữu	Các xã mở rộng	Tổng diện tích			
	Tổng diện tích đất tự nhiên toàn thành phố	6.677,36			6.677,36				6.677,36	5.292,86	11.970,22		
	- Đất xây dựng đô thị (nội thị + các cơ sở KTKT tạo thị ở ngoại thị)	1.534,57	103,69		2.700,53	186,24					5.237,80	210,35	
	- Đất khác	5.142,79			3.976,83						6.732,42		
I	Tổng diện tích đất tự nhiên nội thị	1.100,88			2.211,60			3.711,30	945,12	4.656,42			
<i>AI</i>	<i>Đất xây dựng đô thị tại nội thị</i>	<i>853,12</i>	<i>121,87</i>	<i>100,00</i>	<i>1.537,87</i>	<i>124,02</i>	<i>100,00</i>	<i>3.272,30</i>	<i>394,17</i>	<i>3.677,17</i>	<i>167,98</i>	<i>100,00</i>	
<i>1</i>	<i>Đất dân dụng</i>	<i>525,96</i>	<i>75</i>	<i>61,65</i>	<i>1.091,40</i>	<i>88,02</i>	<i>70,97</i>	<i>2.137,74</i>	<i>112,13</i>	<i>2.249,87</i>	<i>102,78</i>	<i>61,18</i>	
1	Đất đơn vị ở	340,00	50	39,85	500,70	50	33	909,00	63,03	972,03	55,54	26,43	
2	Đất đơn vị ở làng xóm đô thị hóa		0	0,00	189,13	79	12	361,37	0,00	361,37	82,31	9,83	
3	Đất công cộng cấp thành phố	30,00	4	3,52	68,99	6	4	136,21	0,00	136,21	6,22	3,70	
4	Đất cây xanh - TĐTT	45,96	7	5,39	121,78	10	8	342,46		342,46	15,64	9,31	
5	Đất giao thông nội thành	110,00	16	12,89	210,80	17	14	388,70	49,10	437,80	20,00	11,91	
2	Đất ngoài khu dân dụng	327,16	46,74	38,35	446,47		29,03	1.134,56	282,04	1.427,30		38,82	
1	Đất sản xuất, công nghiệp, TTCN, kho tàng	98,72			128,23			227,00	140,36	367,36			
2	Đất giao thông đối ngoại	122,00			140,00			340,70	79,30	420,00			

3	Công cộng ngoại quản lý của đô thị (cơ quan, trường chuyên nghiệp ...).	67,94		77,30		408,26	40,40	448,66		
	- Đất cơ quan	29,38		29,50		51,00	0,30	51,30		
	- Đất trường chuyên nghiệp	5,40		7,90		117,41		117,41		
	- Đất TM- Dịch vụ hỗn hợp	28,00		30,20		180,00	40,10	220,10		
	- Đất y tế	5,16		9,70		59,85		59,85		
4	Cây xanh cách ly, mặt nước	27,01		45,00		90,70	13,10	103,80		
5	Đất tôn giáo tín ngưỡng	1,55		22,55		33,70	2,82	36,52		
6	Đất công trình đầu mối hạ tầng	5,44		27,69		28,50	6,06	34,56		
7	Đất an ninh quốc phòng	4,50		5,70		5,70		5,70		
B1	Đất khác	247,76		673,73		439,00	550,95	989,95		
1	Đất nông nghiệp	105,67		484,73		250,00	359,95	609,95		
3	Đất chưa sử dụng+ sông, suối	68,79		92,00		92,00	118,00	210,00		
4	Đất chuyên dùng khác (đất khác nuôi trồng thủy sản...)	69,23		97,00		97,00	73,00	170,00		
5	Đất bằng chưa sử dụng	4,07		0,00		0,00	0,00	0,00		
II	Tổng diện tích đất tự nhiên ngoại thị	5.576,48		4.465,76		2.966,06	4.347,74	7.313,80		
A2	Đất xây dựng cơ sở kinh tế kỹ thuật tạo thị ở ngoại thị	681,45		1.162,66		798,21	833,57	1.608,33		
1	Đất sản xuất, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng	106,94		195,30			346,94	346,94		
2	Đất có mục đích công cộng khác (công cộng, y tế, cơ quan ...)	142,97		164,93		127,93	72,00	199,93		
	- Đất công cộng, văn hóa...	134,53		124,53		104,48	58,00	162,48		
	- Đất y tế	8,44		40,40		23,45	14,00	37,45		
3	Đất trường chuyên nghiệp	12,70		80,60		14,36	3,03	17,39		
4	Đất ở dân cư mới			99,00	50	27,57	119,70	147,27	66,64	

6	Đất ở sinh thái					82,94	37,50	120,44	169,68	
6	Đất trung chuyển hàng hóa			74,60		136,81	5,10	141,91		
7	Đất dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao			49,10		85,15	3,30	88,45		
8	Đất du lịch			35,00		42,00	154,00	196,00		
9	Đất giao thông ngoại thị và đối ngoại	418,84		299,20		258,00	92,00	350,00		
B2	Đất khác	4.895,03		3.303,10		2.167,85	3.514,17	5.705,47		
1	Đất ở nông thôn	800,00	106,67	610,87	109,08	249,50	426,50	676,00	114,58	
2	Đất bãi thải, xử lý chất thải, hạ tầng kỹ thuật	28,66		28,66		28,66		28,66		
3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	53,00		9,00		9,00	32,00	41,00		
4	Đất nông nghiệp và đất khác	2.743,61		1.663,17		728,58	1.987,06	2.250,81		
5	Đất nông nghiệp công nghệ cao			178,00		338,71		338,71		
6	Đất nuôi trồng thủy sản	474,42		204,42		204,42	145,30	408,00		
7	Đất thủy lợi	382,70		262,70		262,70	95,70	358,40		
8	Mặt nước, kênh rạch, sông suối	174,20		134,20		134,20	120,00	254,20		
9	Đất lâm nghiệp	212,08		212,08		212,08	707,61	919,69		
10	Đất chưa sử dụng	26,36		0,00				0,00		
11	Đất dự trữ phát triển							430,00		